

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung chi, mức chi cho các hoạt động khuyến nông
trên địa bàn tỉnh Long An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 24**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

Xét Tờ trình số 200/TTr-UBND ngày 10/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Long An; Báo cáo thẩm tra số 912/BC-UBND ngày 20/11/2020 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:


Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung chi, mức chi cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Long An.

(Có Quy định chi tiết kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Long An khóa IX, kỳ họp thứ 24 thông qua ngày 08/12/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021./.

Nơi nhận: 

- UB Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VP. Quốc hội, VPCP (b/c);
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Các Bộ: Tài chính Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa IX;
- UBND tỉnh; UBNDTTQVN tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh (Phòng CTHĐND 02b);
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT, (X). (15)

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đước

QUY ĐỊNH

**Nội dung chi, mức chi cho các hoạt động khuyến nông
trên địa bàn tỉnh Long An**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 19 /2020/NQ-HĐND ngày 08 /12/2020
của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung chi, mức chi cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Long An.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp tại tỉnh Long An;

b) Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện được hình thành từ các nguồn:

1. Ngân sách tỉnh, huyện, xã bố trí cho chương trình, kế hoạch khuyến nông thuộc nhiệm vụ chi của tỉnh, huyện, xã và được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã phê duyệt.

2. Kinh phí từ việc thực hiện hợp đồng tư vấn và dịch vụ khuyến nông.

3. Kinh phí từ nguồn tài trợ và đóng góp hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

4. Nguồn kinh phí lồng ghép với các chương trình, dự án khác để thực hiện mục tiêu của khuyến nông.

5. Ngoài nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước, khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động khuyến nông. Các đơn vị được vận dụng các quy định tại Nghị quyết này trong việc sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác khi thực hiện hoạt động khuyến nông.

Chương II

NỘI DUNG CHI, MỨC CHI CHO CÁC HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG

Điều 3. Nội dung chi, mức chi bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

1. Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn: Thực hiện theo điểm a, khoản 2 Điều 4, Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông (sau đây viết là Thông tư số 75/2019/TT-BTC).

2. Chi thù lao giảng viên, trợ giảng; phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Long An (sau đây viết là Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND).

3. Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); giải khát giữa giờ; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập (nếu có); vật tư thực hành lớp học; thuê phiên dịch và biên dịch (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác). Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định hiện hành.

4. Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông cho đối tượng nhận chuyển giao công nghệ và đối tượng chuyển giao công nghệ:

a) Đối với đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông (sau đây viết là Nghị định số 83/2018/NĐ-CP):

- Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước:

+ Được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo).

+ Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội,

các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Long An (sau đây viết là Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND).

- Đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước:

+ Được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo).

+ Hỗ trợ 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND.

+ Hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật, người học cư trú ở xã đặc biệt khó khăn, xã thuộc bãi ngang theo quy định của Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên.

+ Đối với chỗ ở cho người học: Thực hiện theo quy định của đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước nêu trên.

~~b) Đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP:~~

- Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo được hỗ trợ theo mức hỗ trợ của đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước nêu trên.

- Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại không quá 50% mức quy định đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo nêu trên. Đối với chỗ ở cho người học, thực hiện theo quy định của đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước nêu trên.

- Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo) khi tham dự đào tạo.

5. Chi khảo sát, học tập trong và ngoài nước

- Đối với khảo sát, tham quan học tập mô hình, học tập trong nước, mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND. Riêng mức chi hỗ trợ tiền ăn áp dụng theo quy định tại khoản 4 Điều này.

- Đối với khảo sát, học tập ngoài nước: mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 4. Nội dung chi, mức chi thông tin tuyên truyền

1. Tuyên truyền qua hệ thống truyền thông đại chúng; xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông; thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập:

a) Nội dung chi, mức chi: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND.

b) Riêng mức chi chủ tọa và ban cố vấn, báo cáo viên, bồi dưỡng viết báo cáo diễn đàn, tọa đàm, hội thảo theo dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt được vận dụng mức chi theo quy định hiện hành.

3. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông, hội nghị giao ban khuyến nông vùng. Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND.

4. Tổ chức hội chợ, triển lãm hàng nông nghiệp Việt Nam cấp khu vực, cấp quốc gia: hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng.

5. Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông: thực hiện theo quy định hiện hành.

6. Chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông: thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 5. Nội dung chi, mức chi xây dựng và nhân rộng mô hình

1. Chi hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư thiết yếu.

a) Mô hình trình diễn ở biên giới, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền được hỗ trợ tối đa 100% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình nhưng không quá 80 triệu đồng/mô hình;

b) Mô hình trình diễn ở xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển được hỗ trợ tối đa 70% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình nhưng không quá 60 triệu đồng/mô hình;

c) Mô hình trình diễn ở các địa bàn còn lại trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ tối đa 50% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình nhưng không quá 40 triệu đồng/mô hình;

2. Mô hình ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ tối đa 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình nhưng không quá 300 triệu đồng/mô hình (đối với tất cả các địa bàn);

3. Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp được hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện mô hình nhưng không quá 100 triệu đồng/mô hình (đối với tất cả các địa bàn);

4. Hỗ trợ tối đa 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình theo quy định hiện hành (đối với tất cả các loại mô hình).

5. Chi tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình:

a) Chi tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư thực hành, thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ, xăng xe, thuê xe. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành và hợp đồng với nhà cung cấp được lựa chọn.

b) Chi hỗ trợ tiền ăn theo quy định tại khoản 4 Điều 3 của Quy định này; chi hỗ trợ tiền nước uống theo quy định tại Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND.

c) Chi bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên (đã bao gồm biên soạn tài liệu): thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND.

6. Chi thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập nhân rộng mô hình: Mức chi áp dụng theo quy định tại Điều 3 và khoản 2 Điều 4 của Quy định này.

7. Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn tính bằng mức lương cơ sở (mức lương)/22 ngày (x) số ngày thực tế thuê.

Điều 6. Nội dung chi, mức chi tư vấn và dịch vụ khuyến nông

1. Đối với tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn, diễn đàn, tọa đàm: Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 3 của quy định này.

2. Đối với tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, diễn đàn, tọa đàm: Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 4 của quy định này.

3. Đối với tư vấn trực tiếp, tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng: Mức chi thực hiện theo thỏa thuận, hợp đồng căn cứ quy định pháp luật liên quan.

Điều 7. Nội dung chi, mức chi hợp tác quốc tế về khuyến nông

1. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành, theo các hiệp định, nghị định thư hoặc thỏa thuận, hợp đồng chuyên giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong nước với các tổ chức, cá nhân nước ngoài.

2. Đón tiếp các đoàn khách nước ngoài vào làm việc: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức các hội nghị quốc tế tại Việt Nam và các mức chi tiếp khách trong nước đối với cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Điều 8. Nội dung chi khác

1. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông, đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông: thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Mua bản quyền tác giả, công nghệ mới phù hợp để chuyển giao gắn với chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức chi theo hợp đồng hoặc thỏa thuận giữa các bên liên quan theo quy định pháp luật.

3. Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Quản lý nhiệm vụ khuyến nông:

a) Cơ quan quản lý khuyến nông được trích 3% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để phục vụ công tác quản lý khuyến nông, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí trước khi thực hiện. Một số nội dung chi theo quy định hiện hành.

b) Tổ chức chủ trì và đơn vị triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông được trích 5% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để chi cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và chi khác. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 9. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại quy định của Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó./.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đước